|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH GIA LAI**    Số: /2021/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Gia Lai, ngày tháng năm 2021* |

|  |
| --- |
| **QUYẾT ĐỊNH**  **Quy định về bố trí số lượng cán bộ, công chức**  **xã, phường, thị trấn áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai** |

|  |
| --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI** |

*Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối dượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh là các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng là cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Quy định về số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau:

1. Xã, phường, thị trấn loại 1: Tối đa không quá 23 người;

2. Xã, phường, thị trấn loại 2: Tối đa không quá 21 người;

3. Xã, phường, thị trấn loại 3: Tối đa không quá 19 người.

4. Đối với xã, thị trấn bố trí Trưởng công an xã là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều này giảm 01 người.

5. Căn cứ đặc điểm tình hình, khối lượng công việc cụ thể ở từng địa phương, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đảm bảo theo số lượng người đúng quy định và sử dụng hiệu quả theo vị trí việc làm. Giao Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện đảm bảo quy định.

**Điều 3.** Bố trí chức vụ cán bộ, chức danh công chức cấp xã

1. Cán bộ cấp xã: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; mỗi chức vụ bố trí 01 người. Riêng chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã loại 1 bố trí 02 người; chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã loại 2 trong nhiệm kỳ 2016-2021 bố trí 01 người, nhiệm kỳ 2021-2026 được bố trí 02 người và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã loại 3 được bố trí 01 người.

2. Công chức cấp xã: Chỉ huy Trưởng Quân sự được bố trí 01 người. Các chức danh công chức còn lại, gồm: Văn phòng-Thống kê, Tài chính-Kế toán, Tư pháp-Hộ tịch, Văn hóa-Xã hội, Địa chính-Xây dựng-Đô thị và môi trường (*đối với phường, thị trấn*) hoặc Địa chính-Nông nghiệp-Xây dựng và môi trường (*đối với xã*) được bố trí từ 01 người trở lên.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế tại địa phương xem xét bố trí số lượng cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và không vượt quá tổng số cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 2 Quyết định này.

**Điều 4.** Kiêm nhiệm chức danh đối với cán bộ, công chức cấp xã.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế tại địa phương xem xét bố trí cán bộ cấp xã kiêm nhiệm các chức danh cán bộ, công chức khác theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ.

Định hướng kiêm nhiệm: Bố trí Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã. Trường hợp thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy cấp xã đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì bố trí Phó Bí thư Đảng ủy (thường trực) kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức danh cán bộ, công chức khác mà giảm được 01 người theo quy định tối đa tại Điều 2 Quyết định này (kể cả kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND) thì được hưởng mức phụ cấp theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ; thời gian hưởng phụ cấp kiêm nhiệm tính từ ngày cấp thẩm quyền quyết định kiêm nhiệm.

**Điều 5.** Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày….tháng….năm 2020.

2. Bãi bỏ Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Gia Lai.

**Điều 6.** Trách nhiệm thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở ban ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 6;  - Bộ Nội vụ (báo cáo);  - Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;  - Vụ Pháp chế-Bộ Nội vụ;  - TT Tỉnh ủy (báo cáo);  - TT HĐND tỉnh; TT UBMTTQVN tỉnh;  - VP Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - PVP, các PVP UBND tỉnh;  - CB, Công thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT, NC. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |